

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/DS-PT

Ngày: 01-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1947, cư trú tại: Số nhà 272/AH, ấp A, xã B, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979, cư trú tại: Ấp 3, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019).

- Bị đơn:

1. Ông Quách H1, sinh năm 1973;

2. Bà Hà Kim O, sinh năm 1973;

Cùng cư trú tại: Ấp A1, xã T2, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1993, cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện B2, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019).

Anh T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 29/5/2020.

- *Người kháng cáo:* Bà Hà Kim O là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H là ông Huỳnh Minh T trình bày:

Tháng 5/2017, ông Quách H1 có đến cơ sở gỗ của ông Huỳnh Văn H để mua gỗ tròn đóng ghe (tàu) đánh bắt cá (ghe cào). Tuy nhiên, đến ngày 24/01/2018 hai bên chốt lại việc mua gỗ và tiền gỗ mà ông Quách H1, bà O còn nợ ông Huỳnh Văn H là 1.352.873.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng), hai bên đã lập “ Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ” và thỏa thuận thời gian trả nợ cũng như tiền lãi nếu không thực hiện đúng, nhưng sau khi lập giấy thỏa thuận xác nhận nợ thì ông Quách H1 và bà O cũng không thực hiện việc trả nợ cho ông Huỳnh Văn H.

Nay, ông Huỳnh Văn H khởi kiện yêu cầu ông Quách H1, bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền mua gỗ còn nợ 1.352.873.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu ông Quách H1, bà O trả lãi từ ngày 24/01/2018 đến ngày 24/4/2018 là 03 tháng với lãi suất 0,7%/tháng và lãi suất quá hạn từ ngày 25/4/2018 đến ngày 24/9/2019 là 17 tháng với lãi suất 0,9%/tháng, tổng cộng tiền lãi là 223.224.000 đồng; tổng cộng tiền nợ và lãi là 1.576.097.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Quách H1 và bà Hà Kim O trình bày:

Ông bà có mua cây gỗ của ông Huỳnh Văn H nhưng thời gian mua là từ năm 2015 đến năm 2018 với số tiền tổng cộng khoảng 4 tỷ đồng, ông bà đã trả cho ông Huỳnh Văn H một phần tiền và còn nợ lại số tiền 1.352.873.000 đồng, hai bên đã lập biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018. Việc bán cây gỗ của ông Huỳnh Văn H đã có lãi nên ông H yêu cầu ông bà tính lãi thêm từ

ngày 24/01/2018 đến ngày 24/9/2019 với số tiền 223.224.000 đồng là ông bà không đồng ý mà ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 1.352.873.000 đồng và khi nào ông bà bán được ghe mới trả hoặc cáo có ông bà sẽ trả, số tiền lãi 223.224.000 đồng thì không đồng ý trả.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Thanh T3 trình bày:

Anh đồng ý là biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 mà ông Huỳnh Văn H nộp khi khởi kiện là chữ ký của ông Quách H1 nhưng không thừa nhận chữ ký của bà Hà Kim O. Đồng thời, anh cung cấp cho Hội đồng xét xử một “biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018” chỉ có chữ ký của ông Huỳnh Văn H, ông Quách H1 mà không có chữ ký của bà Hà Kim O nên anh yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà Hà Kim O trong “biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018” mà ông Huỳnh Văn H nộp cho Tòa án. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh thì ông Quách H1 và bà Hà Kim O chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ ông Huỳnh Văn H là 1.352.873.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng), còn số tiền lãi 223.224.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) thì không đồng ý trả vì lúc mua bán không có thỏa thuận lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B2 đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H.

Buộc ông Quách H1 và bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H tổng số tiền 1.576.097.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Trong đó gồm:

+ Tiền nợ gốc là 1.352.873.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ Tiền lãi là 223.224.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/11/2019 bị đơn bà Hà Kim O kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bến Tre, yêu cầu sửa một phần bản án

sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ mua bán gỗ của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Kim O, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng của của bà Hà Kim O và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hai bên đương sự thống nhất trình bày ông Quách H1, bà Hà Kim O có mua gỗ tại cơ sở của ông Huỳnh Văn H và còn nợ lại số tiền 1.352.873.000 đồng vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Quách H1, bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền nợ 1.352.873.000 đồng là phù hợp.

[2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 trong đó có chữ ký của ông Huỳnh Văn H và ông Quách H1, bà Hà Kim O. Bị đơn cung cấp biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 trong đó có chữ ký của ông Huỳnh Văn H, ông Quách H1, không có chữ ký của bà Hà Kim O. Về nội dung Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 do hai bên cung cấp có nội dung giống nhau. Bà Hà Kim O kháng cáo cho rằng không có ký tên vào biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 mà chỉ có xác nhận về khoản nợ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà, ngoài ra bà O có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bà trong biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 do nguyên đơn cung cấp.

[3] Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019, biên bản hòa giải ngày 12/9/2019 thì ông Quách H1 và bà Hà Kim O đều thừa nhận chữ ký trong biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 mà ông Huỳnh Văn H giao nộp là của ông bà. Mặc dù, đến nay bà O không thừa nhận chữ ký của bà trong biên

bản ngày 24/01/2018 nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận chữ ký của ông Quách H1 trong hai văn bản nêu trên, nên việc bà O yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký của bà trong văn bản ngày 24/01/2018 là không cần thiết, việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành trung cầu giám định không làm thay đổi nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, theo đó xác định ông Huỳnh Văn H, và ông Quách H1, bà Hà Kim O có ký tên trong biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/01/2018 và biên bản này thể hiện thỏa thuận thanh toán nợ của hai bên.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Kim O: Theo biên bản ngày 24/01/2018, bên A ông Huỳnh Văn H, bên B ông Quách H1 và bà Hà Kim O sau khi đối chiếu bên B còn nợ bên A số tiền 1.352.873.000 đồng. Tại Điều 2 bên B cam kết thanh toán cho bên A khoản nợ và lãi suất 0,7%/tháng, thời hạn thanh toán không quá 03 tháng, sau 03 tháng phải thanh toán dứt điểm tiền nợ gốc và lãi nhưng đến nay ông Quách H1 và bà Hà Kim O vẫn chưa thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu ông Quách H1, bà Hà Kim O trả lãi từ ngày 24/01/2018 đến ngày 24/4/2018 là 03 tháng với lãi suất 0,7%/tháng và lãi suất quá hạn từ ngày 25/4/2018 đến ngày 24/9/2019 là 17 tháng với lãi suất 0,9%/tháng, tổng cộng tiền lãi là 223.224.000 đồng; tổng cộng tiền nợ và lãi là 1.576.097.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Kim O, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bến Tre. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Quách H1, bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới chịu 59.282.910 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hà Kim O phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0006737 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Kim O.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Quách H1, bà Hà Kim O.

2. Buộc ông Quách H1 và bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H tổng số tiền 1.576.097.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 1.352.873.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Tiền lãi là 223.224.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách H1, bà Hà Kim O có nghĩa vụ liên đới chịu 59.282.910 đồng (năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm mười đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Kim O phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006737 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B2;
- Chi cục THADS huyện B2;
- Các đương sự;
- KT-NV;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Ngọt